

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2022/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 8 - 2022
V/v ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thái Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Công Điện

Ông Nguyễn Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Lê Thị Mỹ Chi – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Phan Tấn Xuân Phước - Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 248/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị N, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện PH, tỉnh Hậu Giang

Bị đơn: Hà Thanh S, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện PH, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống chúng tôi có 02 đứa con chung là Hà Cẩm Tiên, sinh ngày: 10/03/2014, giới tính: Nữ và Hà Thanh T, sinh ngày: 31/01/2018, giới tính: Nam.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2018 thì cả hai thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bị đơn không còn quan tâm đến đời sống gia đình, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, từ đó mà đời sống hôn nhân chúng tôi không còn hạnh phúc. Đến nay đã nhiều lần tôi khuyên ngăn nhằm hàn gắn tình nghĩa vợ chồng nhưng chồng tôi vẫn tính nào tạt này không sửa đổi. Trong năm 2018 chúng cả hai đã ly thân cho đến nay.

Nay xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên tôi làm đơn này kính đến Tòa án nhân dân huyện PH xem xét và giải quyết cho tôi với các yêu cầu sau:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với bị đơn Hà Thanh S.

Về con chung: Có 02 đứa con chung, hiện do nguyên đơn nuôi dưỡng, sau ly hôn nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 đứa con chung và không yêu cầu chồng bị đơn cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hà Thanh S đã được Toà án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật của tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Các vấn đề khác giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: chị Lê Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hà Thanh S và yêu cầu nuôi con chung. Căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền xét xử: Bị đơn Hà Thanh S có địa chỉ ở ấp P, xã T, huyện PH, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị N và anh Hà Thanh S đăng ký kết hôn vào ngày 11/6/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn R, huyện C, tỉnh Hậu Giang và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữ nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Theo đơn khởi kiện nguyên đơn cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng tất cả đều không thành. Bị đơn anh Hà Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến phản đối với lời trình bày của nguyên đơn. Do đó, có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn giữa

nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: giữa nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là cháu Hà Cẩm T và cháu Hà Thanh T chưa thành niên. Hiện nay cả hai cháu đang sống chung với nguyên đơn và cháu Hà Cẩm T có nguyện vọng được sống cùng nguyên đơn, cháu Hà Thanh T hiện còn nhỏ. Bị đơn không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Do vậy, cần phải giao cháu cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo tốt nhất quyền lợi của hai cháu.

[6] Về cấp dưỡng: do nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án chưa xem xét.

[7] Tài sản chung, nghĩa vụ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[8] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

[9] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 21, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị N được ly hôn với anh Hà Thanh S.

2. Về con chung: chị Lê Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hà Cẩm T, giới tính nữ, sinh ngày 10/3/2014 và cháu Hà Thanh T, giới

tính nam, sinh ngày 31/01/2018. Anh Hà Thanh S chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chưa có yêu cầu. Anh Hà Thanh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008016 ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PH, chị Lê Thị N không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H PH;
- Chi cục THADS H PH;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thái Thơ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Công Điện

Nguyễn Văn Dương

Hà Thái Thơ